

PHỤ LỤC SỐ 02

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP 3 CHƯƠNG TRÌNH MTQG TRONG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

(Kèm theo báo cáo số 278/BC-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2025 của UBND huyện Tuần Giáo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán giao Năm 2025					Ước giải ngân đến tháng 5/2025					Tỷ lệ giải ngân (%)	Ghi chú
		Tổng cộng	Nguồn năm 2025		Nguồn năm trước chuyển sang		Tổng cộng	Nguồn năm 2025		Nguồn năm trước chuyển sang			
			NSTW	NSDP	NSTW	NSDP		NSTW	NSDP	NSTW	NSDP		
	TỔNG CỘNG	304.779,4	168.847,7	3.670,0	132.233,4	28,3	62.980,1	-	-	62.980,1	-	0,4	
1	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI	146.542,5	50.641,4	-	95.901,1	-	62.980,1	-	-	62.980,1	-	0,4	Chi tiết như Biểu số 01
2	CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	9.745,7	8.811,7	-	915,8	18,3	-	-	-	-	-	-	Chi tiết như Biểu số 02
3	CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VÙNG	148.491,2	109.394,6	3.670,0	35.416,6	10,0	-	-	-	-	-	-	Chi tiết như Biểu số 03

BIỂU SỐ 01 - PHỤ LỤC SỐ 02

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán giao Năm 2025				Ước giải ngân đến hết tháng 5/2025				Tỷ lệ giải ngân (%)	Ghi chú/Đơn vị được giao vốn		
		Tổng cộng	Nguồn năm 2025		Nguồn năm trước chuyển sang		Tổng cộng	Nguồn năm 2025				Nguồn năm trước chuyển sang	
			NSTW	NSDP	NSTW	NSDP		NSTW	NSDP			NSTW	NSDP
	TỔNG CỘNG	146.542,5	50.641,4	-	95.901,1		62.980,1			62.980,1		43,0%	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	3.566,9			3.566,9		994,1			994,14		27,9%	
-	Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho khoảng 1.500 hộ nghèo sinh sống ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	3.566,9			3.566,9		994,1			994,14		27,9%	Phòng Dân tộc và Tôn giáo
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	1.320,0			1.320,0							0,0%	
-	Bố trí ổn định chỗ ở theo hình thức bố trí dân xen ghép đối với 22 hộ gia đình trên cung sạt, trượt có nguy cơ sạt của xã Nà Tông (Điều chỉnh đất ở, đất sản xuất giao cho các hộ mới đến Khai hoang, bồi thường theo quy định khi thu hồi đất của các tổ chức, cá nhân khi thu hồi đất).	1.320,0			1.320,0							0,0%	UBND XÃ NÀ TÔNG
3	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	58.181,9	27.648,6	-	30.533,3		28.789,8			28789,8		49,5%	
	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	58.181,9	27.648,6	-	30.533,3		28.789,8			28789,8		49,5%	
-	Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	58.181,9	27.648,6		30.533,3		28.789,8			28789,8		49,5%	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp
4	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	81.521,4	22.992,8	-	58.528,6		33.163,5			33163,48		40,7%	
	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	81.521,4	22.992,8	-	58.528,6		33.163,5			33163,48		40,7%	
-	Thực hiện sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn đã đầu tư từ giai đoạn trước	81.521,4	22.992,8		58.528,6		33.163,5			33163,48		40,7%	Phòng GD&ĐT; Ban QLDA&PTQĐ; Phòng KT-HT-ĐT và UBND các xã
5	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	34,3			34,3							0,0%	
	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	34,3			34,3							0,0%	
-	Thực hiện Nội dung: Hỗ trợ đào tạo nghề cho khoảng 395 học viên	34,3			34,3							0,0%	TT GDNN-GDTX
6	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	298,3			298,3							0,0%	

STT	NỘI DUNG	Dự toán giao Năm 2025				Ước giải ngân đến hết tháng 5/2025				Tỷ lệ giải ngân (%)	Ghi chú/Đơn vị được giao vốn		
		Tổng cộng	Nguồn năm 2025		Nguồn năm trước chuyển sang		Tổng cộng	Nguồn năm 2025				Nguồn năm trước chuyển sang	
			NSTW	NSDP	NSTW	NSDP		NSTW	NSDP			NSTW	NSDP
-	- Nội dung số 1: Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể (dự kiến mở 5- 7 lớp truyền dạy các dân tộc Mông; Phù Lá, Kháng; Kơ Mú). - Nội dung số 2: Hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá rộng rãi giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số; chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi kết hợp với nghiên cứu, khảo sát tiềm năng du lịch, lựa chọn xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng cho các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (dự kiến Bán Cỏ xã Quài Tở). - Nội dung số 3: Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (dự kiến 2-4 nhà văn hóa bản).	298,3			298,3					0,0%	Phòng Văn hóa - Khoa học và Thông tin		
7	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	1.385,7			1.385,7					0,0%			
-	Tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm”; tổ chức các chiến dịch truyền thông; xây dựng video, phóng sự truyền hình bằng tiếng Kinh, chuyển thể sang tiếng Thái, Mông; tổ chức các cuộc đối thoại chính sách; tổ chức các hoạt động giao lưu, chia sẻ; các hội thi, liên hoan... góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em; Thực hiện các chiến dịch truyền thông xóa bỏ định kiến và khuôn mẫu giới, những tập tục văn hóa có hại, một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em, xây dựng môi trường sống an toàn cho phụ nữ và trẻ em; truyền thông và hỗ trợ chi trả 4 gói chính sách cho phụ nữ sinh đẻ an toàn; tổ chức tập huấn nâng cao năng lực Địa chỉ tin cậy; các hội thảo, diễn đàn giao lưu chia sẻ kinh nghiệm, giải pháp nâng cao chất lượng mô hình CLB thủ lĩnh của sự thay đổi.	1.385,7			1.385,7					0,0%	Hội LHPN huyện và Hội LHPN 12 xã		
8	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù	21,8			21,8					0,0%			
	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	21,8			21,8					0,0%			
-	Tổ chức các hội nghị lồng ghép, hội thảo, tọa đàm, giao lưu văn hóa, nhằm tuyên truyền hạn chế tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN; Truyền thông, tăng cường các hoạt động tư vấn, can thiệp, lồng ghép với các chương trình, dự án, mô hình chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ, trẻ em; duy trì và triển khai mô hình tại các xã, huyện, trường có tỷ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cao; bồi dưỡng nâng cao năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác dân tộc, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật.	21,8			21,8					0,0%	Phòng Dân tộc và Hội LHPN các xã		
9	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	212,3			212,3	32,7			32,72	15,4%			
a	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030	83,7			83,7					0,0%			
-	Thực hiện biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 và tổ chức các hoạt động tuyên truyền về tái cơ cấu ngành nông nghiệp vùng đồng bào DTTS và MN.	83,7			83,7					0,0%	Phòng DTTG và Phòng VHKT		
b	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	128,7			128,7	32,7			32,72	25,4%			

STT	NỘI DUNG	Dự toán giao Năm 2025				Ước giải ngân đến hết tháng 5/2025				Tỷ lệ giải ngân (%)	Ghi chú/Đơn vị được giao vốn		
		Tổng cộng	Nguồn năm 2025		Nguồn năm trước chuyển sang		Tổng cộng	Nguồn năm 2025				Nguồn năm trước chuyển sang	
			NSTW	NSDP	NSTW	NSDP		NSTW	NSDP			NSTW	NSDP
-	Tổ chức kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn xã, huyện...	128,7			128,7		32,7			32,72		25,4%	Phòng Dân tộc và Tôn giáo; UBND các xã

BII

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP CH

STT	NỘI DUNG	Dự	
		Tổng cộng	Nguồn n NSTW
	TỔNG CỘNG	9.745,7	8.811,7
1	Nội dung thành phần số 01: CTMT: 00491 NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ VÀ THỰC HIỆN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI THEO QUY HOẠCH	374,3	-
-	Nội dung 01: Rà soát, điều chỉnh, lập mới (trong trường hợp quy hoạch đã hết thời hạn) và triển khai, thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa ...	374,3	-
2	Nội dung thành phần số 03: CTMT: 0493 tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, triển khai mạnh mẽ chương trình mỗi xã 1 SP (OCOP) nhằm nâng cao giá trị tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu.	1.603,3	1.101,69
-	Nội dung 4: Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) gắn với lợi thế vùng miền	1.103,3	1.101,69
-	Nội dung 8: Thực hiện hiệu quả chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới	500,0	
3	Nội dung thành phần số 6 (00496)	3,2	-
-	Nội dung 01: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, gắn với các tổ chức cộng đồng	3,2	
4	Nội dung thành phần số 07	7.509,7	7.500,0
-	Nội dung 05: Giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; tập trung phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; khu dân cư kiểu mẫu	7.509,7	7.500,0
5	Nội dung thành phần số 11: CTMT: 0502 Tăng cường công tác giám sát đánh giá thực hiện chương trình nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới truyền thống về XDNT mới thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức XDNT mới	255,3	210,0
-	Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ...	255,3	210,0

ỀU SỐ 02 - PHỤ LỤC SỐ 02
ƯỜNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

toán giao năm 2025			Giải ngân đến hết tháng 5/2025		
ăm 2025	Nguồn năm trước chuyển		Tổng cộng	NSTW	NSDP
NSDP	NSTW	NSDP			
-	915,8	18,3	1.150,4	1.150	-
-	358,0	16,3	-	-	-
	358,0	16,3	-		
-	501,61	-	160,3	160	-
	1,6		160,3	160	
	500,0		-	-	-
-	3,20	-	-	-	-
	3,2		-		
-	9,7	-	990,1	990	-
	9,7		990,1	990	
-	43,3	2,0	-	-	-
	43,3	2,0	-		

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú/Đơn vị được giao vốn
23%	
0%	
0%	
10%	
15%	
0%	
0%	
0%	
13%	
13%	
0%	
0%	

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP

STT	NỘI DUNG	Tổng cộng
	TỔNG CỘNG	148.491,2
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo	69.064,3
-	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo (sự nghiệp kinh tế)	1.668,5
-	Tiểu dự án 2: Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn (sự nghiệp kinh tế)	67.395,7
2	Dự án 2: Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (sự nghiệp kinh tế)	53.258,2
3	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	7.668,8
-	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp (Sự nghiệp kinh tế)	7.667,7
-	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng (Sự nghiệp y tế dân số và gia đình)	1,1
4	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	104,2
-	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn (sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề)	-
-	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (sự nghiệp kinh tế)	50,3
-	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững (sự nghiệp kinh tế)	53,9
5	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo (sự nghiệp kinh tế)	18.360,0
6	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	15,8
-	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin (sự nghiệp văn hóa thông tin)	15,8
-	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều (sự nghiệp văn hóa thông tin)	-
7	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	19,9
-	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình (sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề)	19,9

-	Tiêu dự án 2: Giám sát, đánh giá (sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề)	-
---	---	---

BIỂU SỐ 03 - PHỤ LỤC SỐ 02

NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG 6 THÁNG ĐẦU

Dự toán giao năm 2025				Giải ngân
Nguồn năm 2025		Nguồn năm trước chuyển		Tổng cộng
NSTW	NSDP	NSTW	NSDP	
109.394,6	3.670,0	35.416,6	10,0	88.905,8
61.689,5	-	7.374,8	-	17.093,5
		1.668,5		-
61.689,50		5.706,2		17.093,5
32.954,00		20.304,2		50.583,7
71,1	-	7.597,7	-	4.818,6
71,12		7.596,6		4.818,6
		1,1		-
-	-	104,2	-	-
				-
		50,3		-
		53,9		-
14.680,00	3.670,00	-	10,0	16.410,0
0,0	0,0	15,8	0,0	-
		15,8		-
				-
-	-	19,9	-	-
		19,9		-

				-
--	--	--	--	---

U NĂM 2025

ngân đến hết tháng 5/2025		Ghi chú/Đơn vị được giao vốn
NSTW	NSDP	
85.623,8	3.282,0	
17.093,5	-	
17.093,5		
50.583,7		
4.818,6	-	
4.818,6		
-	-	
13.128,0	3.282,0	

--	--	--